R_x

HEPTAMINOL 187,8 mg

- **Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.**
- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Để xa tầm tay trẻ em.**
- **Tờ hướng dẫn sử dụng nêu tóm tắt các thông tin quan trọng của thuốc. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.**

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC: Mỗi viên nén chứa:
Thành phần dược chất: Heptaminol hydroclorid ..... 187,8 mg
Thành phần tá dược: Tinh bột mì, Starch 1500, Povidon K30, Natri starch glycolat, Magnesi stearat, Colloidal silicon dioxid A200.
DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén.
Mô tả đặc điểm bên ngoài của thuốc: Viên nén hình tròn, màu trắng, một mặt viên có khắc chữ "HEPTAMINOL", cạnh và thành viên lành lặn.
CHỈ ĐỊNH:
Điều trị triệu chứng trong hạ huyết áp tư thế, đặc biệt trong trường hợp do dùng thuốc hướng tâm thần.
LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:
Liều dùng:
Luôn dùng thuốc đúng liều lượng trong đơn thuốc.
- Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày.
- Trẻ em: Thuốc này không phù hợp sử dụng cho trẻ em, nên sử dụng dạng bào chế khác phù hợp hơn.

Cách dùng: Dùng uống.
Trường hợp quên uống một liều dùng: Hãy uống ngay khi nhớ ra. Nếu thời gian gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều đã quên và hãy dùng liều tiếp theo vào thời gian thường lệ. Không dùng liều gấp đôi để bù vào liều đã quên.
Trường hợp uống quá nhiều viên thuốc: Hãy gặp ngay bác sỹ hoặc tới khoa Hồi sức - Cấp cứu của bệnh viện gần nhất.
CHỐNG CHỈ ĐỊNH:
- Quá mẫn với heptaminol hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Tăng huyết áp nặng.
- Cường giáp.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:
- Các vận động viên thể thao cần lưu ý vì loại dược phẩm này có chứa một hoạt chất có thể cho kết quả dương tính các xét nghiệm khi kiểm tra các chất bị cấm sử dụng.
- Thuốc có chứa tinh bột mì, người dị ứng với bột mì (trừ bệnh coeliac) không nên dùng thuốc này.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:
- Thời kỳ mang thai: Chưa có đủ dữ liệu lâm sàng dùng thuốc cho người mang thai. Vì vậy, không sử dụng heptaminol cho phụ nữ đang mang thai.
- Thời kỳ cho con bú: Không có số liệu về sự bài tiết heptaminol trong sữa mẹ, để phòng ngừa, tránh dùng heptaminol trong khi cho con bú.
Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:
Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỴ CỦA THUỐC:
Tương tác của thuốc:
- Không nên phối hợp với bromocriptin hoặc các thuốc tương tự: Nguy cơ làm tăng tác dụng hạ huyết áp. Cần xem xét cách điều trị hạ huyết áp thế đứng khác.
- Không phối hợp với thuốc ức chế MAO không chọn lọc: Heptaminol có tính chất cường thần kinh giao cảm, do đó nó có thể gây các cơn tăng huyết áp khi phối hợp với thuốc ức chế MAO hoặc với các thuốc có tính chất ức chế MAO.
- Thận trọng khi phối hợp với các thuốc cholinergic: Nguy cơ thất bại hoặc giảm tác dụng điều trị do tính chất kháng cholinergic của heptaminol có thể ảnh hưởng đến tác dụng cholinergic muốn có.

Tương kỵ của thuốc:
Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc dùng đường uống, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.
TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:
Thường gặp: Phát ban, nổi mày đay, phù mạch, nhịp tim nhanh, giãn đồng tử.
Tần suất tác dụng không mong muốn được định nghĩa như sau: Rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10), ít gặp (1/1000 ≤ ADR < 1/100), hiếm gặp (1/10000 ≤ ADR < 1/1000), rất hiếm gặp (ADR < 1/10000), không rõ (không được ước tính từ dữ liệu có sẵn).
QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:
Triệu chứng và biểu hiện khi sử dụng thuốc quá liều:
Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.
Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:
Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.
Trong trường hợp quá liều, cần theo dõi lâm sàng và điều trị triệu chứng.
ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:
Nhóm dược lý: Thuốc giãn mạch khác dùng trong bệnh tim mạch.
Mã ATC: C01DX08.
Heptaminol hydroclorid là một chất kích thích tim và giãn mạch, được sử dụng trong điều trị các rối loạn tim mạch.
ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:
Heptaminol được hấp thu nhanh và hoàn toàn sau khi uống. Nồng độ thuốc trong huyết tương cực đại sau 1,8 giờ. Diện tích dưới đường cong của nồng độ thuốc trong huyết tương theo thời gian khi dùng uống tương đương với khi tiêm tĩnh mạch. Thời gian bán thải từ 2,5 – 2,7 giờ. Heptaminol không chuyển hóa và được đào thải qua thận trong khoảng 24 giờ.
QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:
Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên.
Chai 100 viên.
ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:
Bảo quản ở: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.
Bảo quản trong bao bì gốc của thuốc.
HẠN DÙNG: 48 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên nhãn.
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.
CƠ SỞ SẢN XUẤT:

DOMESCO

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Địa chỉ: Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0277. 3851950